TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN
TỈNH AN GIANG

Bản án: 18/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12/3/2018
V/v tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Châu.

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Trần Hùng Bích

+ Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Xuân Bích – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên***: Ông Nguyễn Phú Hữu – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 564/2017/TLST–HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa 11/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Phi P, sinh năm 1984. (Có mặt)

Nơi cư trú: số 355/6A, khóm Tây Huề 3, phường Mỹ Hòa, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Dương Nam T, sinh năm 1982. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: số 355/6A, khóm Tây Huề 3, phường Mỹ Hòa, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/10/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phi P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Dương Nam T do quen biết tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 02/02/2009 tại UBND xã Mỹ Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Hôn nhân lần thứ nhất của cả hai.

Thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không còn hòa hợp, bất đồng thường xuyên xảy ra dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn nên anh chị đã ly thân từ năm 2015. Nay nhận thấy không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án được ly hôn với anh T.

- Về quan hệ con chung: Chị và anh T có 01 (một) con chung tên Dương Trung N, sinh ngày 06/4/2010. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N. Không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị và anh T tự thỏa thuận về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***** Bị đơn anh Dương Nam T không có văn bản trình bày ý kiến.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên có ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các trình tự theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng qui định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng qui định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Phi P.

+ Về quan hệ con chung: Để con chung tên Dương Trung N, sinh ngày 06/4/2010 cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị P không có yêu cầu.

+ Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Dương Nam T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phi P và anh Dương Nam T kết hôn lần thứ nhất trên cơ sở tự nguyện vào năm 2009, có đăng ký kết hôn ngày 02/02/2009 tại UBND xã Mỹ Khánh, thành phố Long Xuyên tỉnh An Giang, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo qui định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay vợ chồng chị Nguyễn Thị Phi P và anh Dương Nam T phát sinh mâu thuẫn, chị P xin ly hôn nên Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp các qui định của pháp luật tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Qua trình bày của các đương sự về thời gian chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng, Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình chung sống chị P và anh T có phát sinh mâu thuẫn từ năm 2014, nguyên nhân do tính tình không còn hòa hợp, bất đồng thường xuyên xảy ra dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn nên anh chị đã ly thân từ năm 2015. Tại phiên tòa hôm nay, chị P vẫn kiên quyết xin ly hôn vì suốt thời gian anh T không phụ giúp chị chăm lo gia đình, cũng như không phụ chị trong việc lo chi tiêu sinh hoạt trong cuộc sống, chị phải nhờ vào sự giúp đỡ của cha mẹ ruột chị; anh chị đã nhiều lần trao đổi và hàn gắn nhưng không được và nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T. Đối với anh T, trong quá trình Tòa án xem xét giải quyết vụ án, anh T không cung cấp ý kiến và không đến Tòa án tham dự phiên hòa giải, phiên tòa thể hiện chưa có sự quan tâm đối với yêu cầu ly hôn của chị P. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh

phúc cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P.

[3] Về quan hệ con chung: Chị P trình bày, chị và anh T có một con chung tên Dương Trung N, sinh ngày 06/4/2010. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, con chung hiện do chị P trực tiếp nuôi dưỡng và thời gian qua được chị P chăm sóc tốt. Đồng thời, cháu N cũng có nguyện vọng được sống cùng với mẹ (Tờ trình bày ý kiến nguyện vọng con chung ngày 06/12/2017). Do đó, xét về quyền lợi mọi mặt của con chung và để ổn định về sinh hoạt, mặt tâm lý cho con chung, Hội đồng xét xử xét thấy việc chị P yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là có cơ sở chấp nhận. Do chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị Nguyễn Thị Phi P phải tạo điều kiện cho anh Dương Nam T thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[4] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Phi P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Phi P phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0018679 ngày 13/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Tp.Long Xuyên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử vắng mặt anh Dương Nam T.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Phi P được ly hôn với anh Dương Nam T.

[2] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Phi P và anh Dương Nam T có một con chung tên Dương Trung N, sinh ngày 06/4/2010.

Chị Nguyễn Thị Phi P được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Dương Trung N, sinh ngày 06/4/2010.

Anh Dương Nam T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Nguyễn Thị Phi P không có yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị Phi P phải tạo điều kiện cho anh Dương Nam T thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Phi P phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0018679 ngày 13/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Tp.Long Xuyên.

[5] Chị Nguyễn Thị Phi P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Dương Nam T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TP. Long Xuyên;
- Chi cục THADS TP. Long Xuyên;
- UBND xã Mỹ Khánh, TP.Long Xuyên;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án và văn phòng./.

Phạm Thị Minh Châu